

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 10 - 2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Lý
Ông Đỗ Tuấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 45/2017/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ngọc H – sinh năm 1987 (có mặt)

Cư trú: xã TT, thành phố CM, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Bang Hai H1 – sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cư trú: RC, B, O, L6R 3H5, Canada

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Bà Trương Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông H1 kết hôn vào ngày 21/3/2016, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 21/3/2016), quen nhau khi đi du lịch. Từ khi kết hôn đến nay ông H1 không liên lạc gì với bà, không cho tiền bà học nghề như đã hứa, không bảo lãnh bà qua Canada sinh sống và hiện nay không còn liên lạc với nhau nữa. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông H1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với ông Bang Hai H1: Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tiến hành các thủ tục tố tụng đạt Thông báo thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự theo trình tự thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự

quy định nhưng ông Bang Hai H1 không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của Bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về phía đương sự, Bà H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H, cho Bà H được ly hôn với ông H1. Chi phí tố tụng và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Bà H đối với ông H1 được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn; ông H1 hiện nay đang sinh sống tại số 23, Rockstep Court, Brampton, Ontario, L6R 3H5, Canada, Brampton, Canada. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông H1 đang sinh sống tại Canada nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tiến hành các thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự; triệu tập ông H1 tham gia phiên tòa sơ thẩm họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H1 là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của Bà H yêu cầu xin ly hôn với ông H1, thấy rằng: Bà H với ông H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận. Kết hôn được 03 (ba) ngày thì ông H1 về Canada, sau 02 (hai) tháng kể từ khi kết hôn đến nay ông H1 không liên lạc gì với bà, không cho tiền bà học nghề như đã hứa, không bảo lãnh bà qua Canada sinh sống và hiện nay không còn liên lạc với nhau nữa. Điều này cho thấy giữa ông, bà không còn quan tâm gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng của ông, bà không còn, mục đích của hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho Bà H được ly hôn với ông H1 là phù hợp.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, Bà H xác định không có, ông H1 cũng không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

[3] Chi phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài Bà H phải chịu.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 153; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị Ngọc H, cho Bà H được ly hôn với ông Bang Hai H1.

- Chi phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài Bà H phải chịu 954.316 đồng (đã nộp xong).

- Án phí hôn nhân sơ thẩm Bà H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20/9/2017 Bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 001191 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Út